

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh dự toán chi sự nghiệp nông nghiệp năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2019 của Chính phủ thực hiện Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện về việc giao dự toán chi sự nghiệp kinh tế năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện về việc phân khai vốn sự nghiệp nông nghiệp năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND huyện về việc ban hành kế hoạch trồng cây phân tán trên địa bàn huyện từ nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng năm 2023;

Xét Tờ trình số 08/TTr-PNNPTNT ngày 29/6/2023 của phòng Nông nghiệp và PTNT huyện về việc đề nghị điều chỉnh giao dự toán chi sự nghiệp nông nghiệp năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị;

Theo đề nghị của phòng Tài chính – KH huyện;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi sự nghiệp nông nghiệp năm 2023 từ Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện sang phòng Nông nghiệp và PTNT, số tiền: 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng chẵn).

Lý do điều chỉnh: Nguồn vốn bố trí thực hiện trồng tái canh cây cà phê không sử dụng hết chuyển sang đối ứng thực hiện trồng cây phân tán trên địa bàn huyện từ nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng năm 2023.

Các nội dung còn lại thực hiện theo nội dung Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Tài chính-KH, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Trưởng phòng NN&PTNT huyện, Giám đốc Trung tâm DVNN huyện và Thủ trưởng cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT-VP-TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

PHỤ LỤC

Kiểm theo Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Krông

ĐVT: đồng

ST T	Nguồn/Nội dung	Kinh phí đã bố trí	Điều chỉnh		Kinh phí sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4=1+2-3	5
	Vốn Sự nghiệp nông nghiệp	1.245.000.000	9.000.000	9.000.000	1.245.000.000	
1	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	31.000.000	9.000.000	-	40.000.000	
-	Dự án trồng thí điểm cây cam ruột đỏ, quýt hồng tại 02 xã Kon Phe, Đăk rong	31.000.000			31.000.000	
-	Kinh phí đối ứng thực hiện trồng cây phân tán từ nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng năm 2023	-	9.000.000	-	9.000.000	
2	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	1.214.000.000	-	9.000.000	1.205.000.000	
-	Hỗ trợ chứng nhận tiêu chuẩn VietGap trên cây ăn quả (đánh giá, chứng nhận cây vải)	48.000.000			48.000.000	
-	Hỗ trợ trồng mắc ca, giới xanh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào Bahnar	740.000.000			740.000.000	
-	Mô hình tưới tiết kiệm cho cây mía	120.000.000			120.000.000	
-	Hỗ trợ chứng nhận VietGap, chứng nhận mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói sản phẩm nông nghiệp chủ lực...	150.000.000			150.000.000	
-	Tham quan mô hình trong và ngoài tỉnh	40.000.000			40.000.000	
-	Thực hiện trồng tái canh cây cà phê và nhiệm vụ khác	116.000.000		9.000.000	107.000.000	

nh